

CÔNG BÁO CAO BẮNG/Số 01+02+03+04+05+06+07+08+09+10+11
12+13+14+15+16+17+18+19+20+21+22/Ngày 15-01-2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Cao Bằng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẮNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 38

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030;

Xét Tờ trình số 3621/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 660/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Cao Bằng với nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Cao Bằng trở thành tỉnh phát triển nhanh, bền vững và hạnh phúc, đạt trình độ phát triển thuộc nhóm khá của vùng trung du và miền núi phía Bắc; hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông liên kết nội tỉnh và liên tỉnh được cải thiện; công nghiệp chế biến và khai thác khoáng sản có bước phát triển mới, phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo; hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản; kinh tế cửa khẩu, du lịch phát triển nhanh, bền vững; từng bước hình thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, logistics Việt Nam - Trung Quốc của vùng, trung tâm giao thương kinh tế, văn hóa, đối ngoại giữa Việt Nam với các tỉnh phía Tây, Tây Nam của Trung Quốc và các nước ASEAN; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả quản lý, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của tỉnh; bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước và chủ động ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội được phát triển toàn diện. Bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; chất lượng sống và chỉ số hạnh phúc của Nhân dân được

cải thiện và nâng cao; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Hợp tác đối ngoại được mở rộng; quốc phòng, an ninh vững mạnh, chủ quyền biên giới quốc gia được bảo vệ vững chắc.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 10%/năm trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt từ 75-80 triệu đồng/người/năm.

(2) Đến năm 2030, cơ cấu GRDP: Khu vực dịch vụ và công nghiệp chiếm trên 80%, nông lâm nghiệp dưới 15%.

(3) Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 12%/năm.

(4) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tăng bình quân 11%/năm.

(5) Đến năm 2030, đóng góp của kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 20%, trong đó kinh tế số nền tảng chiếm từ 7-10%.

- Về văn hóa - xã hội:

(6) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân trên 3%/năm.

(7) Đến năm 2030, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 39,62% (21/53 xã); trên 50% xã, phường không ma túy và đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

(8) Phấn đấu đến năm 2030, giảm ít nhất 40% số điểm trường lẻ; bảo đảm trên 80% số xã có trường bán trú hoặc nội trú; 100% xã biên giới có trường phổ thông nội trú liên cấp. Xây dựng mới 01 Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh quy mô 1.000 giường, có khả năng nâng cấp thêm 500 giường sau năm 2030, được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn nhân lực, đồng thời, giảm ít nhất 30% chi phí thanh toán dịch vụ y tế ngoài tỉnh thông qua việc nâng cao chất lượng hệ thống y tế địa phương, tăng cường niềm tin và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế ngay tại cơ sở.

(9) Đến năm 2030 có trên 90% xã trên địa bàn tỉnh đạt mức Chỉ số Hạnh phúc người dân (CB-HPI) từ 90 điểm trở lên, phản ánh mức sống hài lòng và bền vững, bảo đảm phát triển bao trùm về an sinh, cơ hội, văn hoá, niềm tin.

- Về chuyển đổi số, cải cách hành chính:

(10) Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 90%; tỷ lệ cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua nền tảng số đạt 100%.

(11) Đến năm 2030, chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số chuyển đổi số (DTI) nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố trên cả nước.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Xây dựng nền kinh tế tự chủ, tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy

manh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước xây dựng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính

3.1.1. Phát triển nông, lâm nghiệp bền vững gắn với chuyển dịch lao động nông thôn và xây dựng nông thôn mới đặc thù vùng cao

Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa có lợi thế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp điều kiện canh tác, ưu tiên các loại cây trồng, vật nuôi đặc sản, đặc hữu, có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ ổn định.

Thực hiện hiệu quả Chương trình trọng tâm bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025-2030: phát triển vùng nguyên liệu quế, hồi, dược liệu dưới tán rừng, gắn với liên kết chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ và thí điểm thị trường tín chỉ các-bon rừng khi có đầy đủ cơ chế, chính sách của Trung ương.

Phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm quy mô trang trại, tổ chức lại sản xuất theo mô hình hợp tác, liên kết vùng, bảo tồn giống vật nuôi đặc sản bản địa, phát triển nuôi trồng thủy sản lòng hồ thủy điện tạo sinh kế bền vững.

Đẩy mạnh chương trình OCOP, hình thành chuỗi giá trị nông sản đặc sản gắn chỉ dẫn địa lý và thương hiệu “Cao Bằng xanh”; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nghề, hình thành lực lượng nông dân thế hệ mới.

Khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế nông nghiệp tổng hợp theo hướng phát triển du lịch nông nghiệp gắn với các lễ hội tại địa phương và ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

Triển khai xây dựng nông thôn mới toàn diện, thực chất, ưu tiên xã khó khăn, xã biên giới, hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, hướng tới mô hình “nông thôn đáng sống”.

3.1.2. Phát triển công nghiệp có chọn lọc gắn với thế mạnh khoáng sản và dược liệu, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường

Phát triển công nghiệp chế biến sâu nông lâm sản, đặc biệt là chế biến gỗ rừng trồng và các sản phẩm từ lâm sản. Ưu tiên hình thành chuỗi chế biến sâu các sản phẩm nông - lâm - dược liệu tại các địa phương có tiềm năng như: Bảo Lạc, Xuân Trường, Nguyên Bình, Thành Công, Trùng Khánh. Khuyến khích sản xuất tinh dầu quế, hồi, sơ chế và chế biến dược liệu đông dược, nam dược, phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp sạch. Thúc đẩy các dự án sản xuất có hàm lượng khoa học công nghệ, giá trị gia tăng cao, sử dụng nguyên liệu tại chỗ và thân thiện với môi trường.

Phát triển công nghiệp chế biến sâu khoáng sản kim loại màu (niken, đồng...), gắn với đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hình thành cụm công nghiệp xanh tại các vùng động lực như: Tân Giang, Thục Phán, Nùng Trí Cao, Phục Hòa, Trà Lĩnh,...; kiên quyết xử lý các dự án chậm tiến độ, gây ô nhiễm.

Phát triển năng lượng bền vững, triển khai Quy hoạch điện VIII, khuyến khích đầu tư điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối phù hợp điều kiện địa phương;

phần đầu 96,6% hộ dân có điện vào năm 2030.

3.1.3. Phát triển đa dạng các loại hình thương mại, dịch vụ, đẩy mạnh phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với logistic và thương mại điện tử xuyên biên giới

Phát triển đa dạng các loại hình thương mại, dịch vụ theo hướng hiện đại, văn minh, chuyên nghiệp, gắn với nâng cấp hạ tầng thương mại và không gian kinh tế vùng, hành lang du lịch cửa khẩu, nâng cao tính kết nối, lan tỏa.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ lực, đặc sản, OCOP; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số và thương mại điện tử, phát triển dịch vụ logistics hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng nhân lực.

Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2025-2030, tập trung đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, hệ thống giao thông kết nối, cửa khẩu số, cửa khẩu thông minh; tăng cường đối ngoại, quản lý, đảm bảo an ninh trật tự, phấn đấu tổng kim ngạch XNK tăng bình quân 10%/năm giai đoạn 2026-2030.

3.1.4. Khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh

Hoàn thiện quy hoạch và hạ tầng du lịch bền vững, thu hút đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng, dịch vụ du lịch chất lượng cao, trọng tâm là Khu du lịch thác Bản Giốc - Đức Thiên trở thành khu du lịch trọng điểm, kiểu mẫu về du lịch qua biên giới.

Phát triển sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, di tích lịch sử - văn hóa, du lịch cộng đồng, sinh thái, nghỉ dưỡng; đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá và chuyển đổi số trong du lịch.

Tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết vùng, thực hiện hiệu quả Hiệp định hợp tác khai thác du lịch thác Bản Giốc, phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao.

Phân đầu, đến năm 2030, Cao Bằng đón khoảng 4 triệu lượt khách; tổng thu từ du lịch đạt khoảng 6.900 tỷ đồng, đóng góp vào GRDP khoảng 10%.

3.1.5. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, tăng cường kết nối vùng và liên kết quốc tế, gắn với định hình không gian phát triển theo trục động lực

Tập trung hoàn thiện, điều chỉnh quy hoạch tỉnh phù hợp mô hình hành chính mới, gắn phát triển kinh tế - xã hội với tổ chức không gian dân cư, hạ tầng và vùng động lực. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện toàn bộ các loại quy hoạch xây dựng cho các phường, xã mới theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đảm bảo kịp thời, đồng bộ, thống nhất và phục vụ tốt cho nhu cầu của địa phương.

Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư, ưu tiên các dự án hạ tầng trọng điểm có tính liên vùng, liên quốc gia, liên tỉnh; đẩy nhanh tiến độ cao tốc Đồng Đăng -

Trà Lĩnh, cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng và các tuyến kết nối cửa khẩu, trung tâm du lịch.

Định hình không gian phát triển theo mô hình “Một vành đai biên giới - hai hành lang kinh tế - ba vùng phát triển - bốn trung tâm động lực”, bảo đảm gắn kết kinh tế, quốc phòng, an ninh và đô thị hóa bền vững.

Tăng cường đầu tư hạ tầng đô thị, môi trường, vùng khó khăn; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, siết chặt kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm người đứng đầu trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

3.1.6. *Đẩy mạnh quản lý thu - chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả; phát triển tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh và hỗ trợ sinh kế cho người dân*

Tăng cường quản lý thu - chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả; thực hiện thu đúng, thu đủ, khai thác tốt các nguồn thu từ đất đai, khoáng sản, dịch vụ đô thị; xử lý nợ đọng, chống thất thu, phấn đấu thu vượt dự toán hằng năm.

Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng bền vững, ưu tiên chi đầu tư phát triển, tiết kiệm chi thường xuyên, kiểm soát nợ công, nâng cao kỷ luật - kỷ cương tài chính.

Mở rộng tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh kế người dân; ưu tiên lĩnh vực động lực tăng trưởng, kiểm soát rủi ro tín dụng; thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt và bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng.

3.1.7. *Cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh cạnh tranh, minh bạch; phát triển các thành phần kinh tế, nâng cao vai trò động lực của kinh tế tư nhân*

Đẩy mạnh cải thiện, nâng cao hơn nữa chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng, phấn đấu mỗi năm thành lập 170 doanh nghiệp, khu vực tư nhân đóng góp 62-65% GRDP.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, doanh nghiệp nhà nước; thúc đẩy khởi nghiệp, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chỉ số PCI, PAR-INDEX; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư, tập trung thu hút các dự án lớn, có tính lan tỏa trong các lĩnh vực chế biến sâu, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng sạch, công nghiệp hỗ trợ và du lịch.

Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp vùng khó khăn; bảo đảm môi trường đầu tư thuận lợi, công khai, đồng hành cùng doanh nghiệp phát triển.

3.1.8. *Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*

Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh. Tổ chức triển khai hiệu quả các chủ trương của Trung ương và địa phương, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 03/11/2021 của Tỉnh Ủy Cao Bằng về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: trọng tâm là đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, dữ liệu lớn và nền tảng số hiện đại, bảo đảm an toàn, đồng bộ; thúc đẩy kinh tế số, thương mại điện tử và kết nối chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, các cấp.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, hoàn thiện khung pháp lý, đẩy mạnh tham mưu, quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với nhu cầu thực tiễn; nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và chuyển đổi số (DTI).

Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến, phổ cập công nghệ số tới người dân, hộ gia đình, doanh nghiệp.

Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp số, tăng cường hợp tác vùng và quốc tế về công nghệ trong các lĩnh vực đặc thù như dược liệu, nông nghiệp hữu cơ, quản trị tài nguyên môi trường bằng công nghệ cao.

3.2. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Cao Bằng, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

3.2.1. Tập trung phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tập trung thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, hướng tới giáo dục mở, linh hoạt, phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống cho học sinh.

Đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển STEM, kỹ năng số, ngoại ngữ, tư duy khởi nghiệp gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo nhu cầu thị trường, chú trọng đào tạo nghề phù hợp với lợi thế địa phương.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nhất là tại vùng khó khăn, biên giới; hoàn thành mục tiêu 100% xã biên giới có trường phổ thông nội trú liên cấp, xây dựng Trường THPT Chuyên tỉnh và mở rộng mạng lưới trường chuẩn quốc gia.

Chuẩn hóa, nâng cao đội ngũ giáo viên, mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, ứng dụng công nghệ hiện đại để đổi mới phương thức dạy, học, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển bền vững.

3.2.2. Nâng cao năng lực hệ thống y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân

Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống y tế công lập; ưu tiên nguồn lực xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh mới, đẩy nhanh tiến độ Bệnh viện Y học cổ truyền và nghiên cứu hình thành trung tâm y tế chuyên sâu vùng miền núi. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, khuyến khích đầu tư ngoài công lập, phát triển kỹ thuật mới, mở rộng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.

Thực hiện khám sức khỏe định kỳ toàn dân, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở, bảo đảm người dân vùng sâu, vùng xa được chăm sóc công bằng, giảm chi phí khám chữa bệnh ngoài tỉnh. Đổi mới quy trình khám chữa bệnh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, y tế số và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử.

Tiếp tục củng cố mạng lưới y tế cơ sở, phát triển mô hình bác sĩ gia đình, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh, quản lý thuốc và vắc xin, bảo đảm cung ứng đầy đủ, chất lượng. Thực hiện đồng bộ chính sách dân số, phấn đấu đạt mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

3.2.3. Tăng cường đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao; đẩy mạnh công tác báo chí, thông tin, truyền thông; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của dân tộc

Tăng cường đầu tư, hoàn thiện thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xã hội hóa hoạt động văn hóa, thể thao; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử, đặc biệt là các di sản UNESCO và bản sắc dân tộc thiểu số.

Phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch gắn với bảo tồn; chăm lo, bồi dưỡng đội ngũ văn nghệ sĩ; xây dựng ít nhất 4 sản phẩm du lịch văn hóa - sinh thái đặc trưng. Thúc đẩy thể dục thể thao quần chúng và thành tích cao, xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh, phấn đấu đến năm 2030 trên 35% dân số tập luyện thể thao thường xuyên, giành tối thiểu 100 huy chương cấp quốc gia; có 3-5 vận động viên dự SEA Games, Asian Games.

Phát triển báo chí, truyền thông hiện đại, nhân văn, đa phương tiện; nâng cao chất lượng nội dung, đổi mới hình thức tuyên truyền, bảo đảm định hướng dư luận xã hội, đáp ứng yêu cầu thông tin trong thời kỳ chuyển đổi số.

3.2.4. Triển khai hiệu quả các chương trình, chính sách giảm nghèo, dân tộc, tôn giáo, bảo đảm an sinh xã hội và triển khai Bộ Chỉ số hạnh phúc

Triển khai đồng bộ các chương trình, chính sách giảm nghèo gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển vùng dân tộc thiểu số; chuyển mạnh từ hỗ trợ sang tạo cơ hội, sinh kế bền vững, khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo.

Thực hiện đầy đủ chính sách với người có công, đối tượng yếu thế; mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội, y tế, phấn đấu đến năm 2030 đạt 100% dân số có bảo hiểm y tế. Tăng cường đầu tư hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ nhà ở, sinh kế cho hộ nghèo

vùng khó khăn.

Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong xây dựng đời sống văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

Từng bước triển khai Bộ Chỉ số Hạnh phúc của tỉnh, coi đây là công cụ đánh giá chất lượng cuộc sống, mức độ hài lòng của Nhân dân và tiêu chí bắt buộc trong đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương.

3.3. Tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, rừng, khoáng sản; ứng dụng khoa học công nghệ chế biến sâu trong khai thác, chế biến khoáng sản; hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ quy hoạch và thu hút đầu tư. Khai thác khoáng sản tiết kiệm, bền vững, gắn với bảo vệ cảnh quan, môi trường; kiểm soát chặt chẽ không để xảy ra khai thác trái phép, làm thất thoát tài nguyên.

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, đầu tư hạ tầng xử lý rác thải hiện đại, tăng cường tái chế, hạn chế rác thải nhựa, kiểm soát chất thải nguy hại.

Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm, xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai, sạt lở, lũ quét; bảo đảm an toàn dân cư, bảo tồn đa dạng sinh học, hướng tới phát triển kinh tế xanh và bền vững.

3.4. Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

3.4.1. Đổi mới toàn diện công tác tư pháp; nâng cao chất lượng xây dựng, thi hành pháp luật; đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật và cải cách tư pháp

Tiếp tục đổi mới toàn diện công tác tư pháp, nâng cao chất lượng xây dựng và thi hành pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; bảo đảm tính thống nhất, khả thi và phù hợp thực tiễn. Đẩy mạnh cải cách tư pháp, ứng dụng công nghệ số, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật bằng hình thức đa dạng, hiện đại, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động xây dựng pháp luật và tư pháp; phát huy vai trò pháp luật trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, góp phần xây dựng nền tư pháp liêm chính, hiệu lực, hiệu quả.

3.4.2. Tiếp tục đổi mới, tinh gọn tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh cải cách hành chính vì người dân, doanh nghiệp

Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện cơ chế vận hành chính quyền địa phương theo mô hình mới gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiểm tra, giám sát, khắc phục tình trạng nhũng nhiễu, phiền hà trong giải quyết thủ tục cho người dân và doanh nghiệp; phấn đấu đến năm 2030, chỉ số cải cách hành chính thuộc nhóm 25/34 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ người dân tộc thiểu số và vùng biên giới; thực hiện công tác cán bộ công khai, minh bạch, dựa trên năng lực, hiệu quả công việc và tinh thần trách nhiệm.

3.4.3. Tăng cường kỷ cương, nâng cao hiệu lực thanh tra, giải quyết kịp thời, dứt điểm khiếu nại, tố cáo từ cơ sở; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng và Nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

Tập trung thanh tra các lĩnh vực nhạy cảm, dư luận quan tâm; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện kết luận thanh tra.

Tăng cường tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở; ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý đơn thư, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiểm tra, xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra sai phạm, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

3.5. Tăng cường quốc phòng an ninh, xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia

Tăng cường quốc phòng, an ninh; củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế – xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là trên tuyến biên giới và địa bàn chiến lược.

Xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh toàn diện, nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục quốc phòng, an ninh, sẵn sàng ứng phó mọi tình huống. Chủ động bảo vệ an ninh nội địa, biên giới, kinh tế, mạng; đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn, âm mưu chống phá. Phát huy phong trào “Toàn dân bảo

vệ an ninh Tổ quốc”, nhân rộng mô hình tự quản ở cơ sở, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3.6. Mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động hội nhập, thúc đẩy hợp tác kinh tế biên mậu, tạo động lực phát triển mới

Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tăng cường phối hợp giữa các kênh đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Thúc đẩy hợp tác với các tổ chức, đối tác nước ngoài, đặc biệt với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); đẩy nhanh nâng cấp, mở mới cửa khẩu, phát triển khu kinh tế cửa khẩu, vùng sản xuất, thương mại biên mậu và hệ thống logistics hiện đại.

Thực hiện hiệu quả các hiệp định, thỏa thuận hợp tác quốc tế; bảo đảm quản lý biên giới, cửa khẩu an toàn, phòng chống tội phạm xuyên biên giới. Đẩy mạnh thông tin, văn hóa, du lịch đối ngoại, quảng bá hình ảnh Cao Bằng ra thế giới. Huy động nguồn lực kiều bào, trí thức, doanh nhân người Cao Bằng ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp, đóng góp cho phát triển kinh tế tri thức của tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 38 (*Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025*) thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Bế Thanh Tịnh